

Bản án số: 08/2018/DS-ST
Ngày 14-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hồng Vân

Ông Lê Văn Vinh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Yến Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ ; địa chỉ trụ sở: Số 130 P, phường 3, quận P, thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt D; chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch N, Ngân hàng TMCP Đ (Quyết định ủy quyền số 57/QĐ- DAB- PC ngày 15/01/2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng Đ và ông Nguyễn Trọng V, sinh năm 1987; chức vụ: Nhân viên Ngân hàng; (Giấy ủy quyền số 02/ QĐ- DAB- NQN ngày 07/5/2018 của ông Nguyễn Việt D); có mặt.

Bị đơn: Bà Lưu Thị B, sinh năm 1981; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 9 (Khu 7 cũ H, phường Đ, quận H, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2018 của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Việt D trình bày:

Ngày 25/7/2015 Bà Lưu Thị B, sinh năm 1981; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 9 (Khu 7 cũ H, phường Đ, quận H, thành phố H có ký Giấy vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ theo hợp đồng tín dụng số 0047387001T15003 với Ngân hàng TMCP Đ để vay số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng với mục đích sử dụng tiền vay là tiêu dùng, phương thức cho vay là trả góp, thời hạn cho vay là 36 tháng tính từ ngày nhận tiền vay, lãi suất vay là 8,5%/năm, phương thức trả nợ gốc và lãi theo tháng, mỗi tháng bà Lưu Thị B phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc và lãi theo từng tháng cụ thể đối chiếu với số tiền gốc hiện tại. Ngày 25/7/2015 Ngân hàng TMCP Đ đã đồng ý phê duyệt và và giải ngân khoản vay với số tiền 60.000.000 đồng theo hình thức ghi nợ có vào tài khoản của bà Lưu Thị B mở tại Ngân hàng TMCP Đ. Tổng số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi bà Lưu Thị B phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ trong thời hạn 36 tháng là 75.300.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc phải trả là 60.000.000 đồng và số tiền lãi trong hạn phải trả là 15.300.000 đồng theo bảng lịch trình trả nợ kèm theo Giấy vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ. Trong quá trình vay bà Lưu Thị B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã thỏa thuận trong Giấy vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP Đ cụ thể: Bà Lưu Thị B mới trả được số tiền là 52.449.107 đồng trong đó nợ gốc là 38.466.218 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.783.782 đồng; nợ lãi quá hạn: 199.107 đồng; tổng cộng: 52.449.107 đồng. Từ ngày 06/9/2017 bà Lưu Thị B không trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào. Tính đến ngày 11/7/2018 bà Lưu Thị B còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền là 25.453.179 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 21.533.782 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.516.218 đồng; nợ lãi quá hạn: 2.403.179 đồng. Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà Lưu Thị B phải trả toàn bộ số tiền còn nợ trên và số tiền lãi phát sinh từ ngày 11/7/2018 cho đến ngày bà Lưu Thị B thực trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng vay số 0047387001T15003 ngày 25/7/2015.

Bị đơn là bà Lưu Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng bà Lưu Thị B vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng bà Lưu Thị B vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn đã không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật Tố

tụng dân sự, đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại các giai đoạn tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Lưu Thị B đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở quan điểm của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là có đủ cơ sở.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Đ và bà Lưu Thị B là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng; bị đơn là bà Lưu Thị B hiện có nơi ĐHKTT và cư trú tại: Tổ 9 (Khu 7 cũ H), phường Đ, quận H, thành phố H nên vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Hợp đồng tín dụng số 0047387001T15003 về việc cung cấp hạn mức tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đ và bà Lưu Thị B với mục đích vay vốn tiêu dùng được ký kết giữa các bên đều tuân thủ, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật (tại Điều 121, Điều 122 Bộ luật Dân sự) khi giao kết.

Do vậy, cho thấy hợp đồng đã được giao kết trên là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong những hợp đồng này theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 0047387001T15003 ngày 25/7/2015 nêu trên, Ngân hàng TMCP Đ đã thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng tiến hành giải ngân số tiền vay theo hạn mức cung cấp tín dụng cho bị đơn. Nhưng bị đơn là bà Lưu Thị B đã không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ đúng kỳ hạn thanh toán như đã cam kết. Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà Lưu Thị B phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng TMCP Đ với số tiền tổng cộng là 25.453.179 (*Hai mươi năm triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn một trăm bảy mươi chín*) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 21.533.782 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.516.218 đồng; nợ lãi quá hạn: 2.403.179 đồng, tính đến ngày 11/7/2018 và tiền lãi phát sinh đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật là có đủ cơ sở, hợp lý, có căn cứ.

Trong giai đoạn hòa giải tại Tòa án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do và không có bất kỳ quan điểm nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua xác minh tại địa phương cũng thể hiện việc bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, không thông báo việc vắng mặt, thay

đổi địa chỉ cho chính quyền địa phương, gia đình không biết bà B ở đâu, không cung cấp địa chỉ cho Tòa án, điều đó cho thấy bà B cố tình trốn tránh không nhận các thủ tục tổng đạt của Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử. Điều này thể hiện thái độ bị đơn không hợp tác với nguyên đơn để giải quyết nghĩa vụ trả nợ, không tôn trọng pháp luật của phía bị đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các Điều, khoản đã ghi trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết, cũng như phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ và buộc bà Lưu Thị B phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc, lãi như đã nêu ở trên.

[3] Về án phí: Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn bà Lưu Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật - khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19 khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn: Buộc bà Lưu Thị B phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng TMCP Đ với số tiền tổng cộng là 25.453.179 (*Hai mươi năm triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn một trăm bảy mươi chín*) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 21.533.782 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.516.218 đồng; nợ lãi quá hạn: 2.403.179 đồng, tính đến ngày 11/7/2018 theo Hợp đồng tín dụng số 0047387001T15003 ngày 25/7/2015 về việc cấp hạn mức tín dụng vay tiêu dùng và Bảng kế hoạch trả nợ được xác lập, giao kết tại Ngân hàng TMCP Đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay là bà Lưu Thị B tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận được ghi trong Hợp đồng tín dụng số 0047387001T15003 ngày 25/7/2015 về việc cấp hạn mức tín dụng vay tiêu dùng và Bảng kế hoạch trả nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho

vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà Bị đơn - Bà Lưu Thị B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí: Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP Đ số tiền 610.000 (*Sáu trăm mười nghìn*) đồng là tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu AA/2014 số 0016234 ngày 10/5/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự quận H, thành phố H.

- Bà Lưu Thị B phải nộp 1.272.659 đồng (*Một triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Lưu Thị B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quân Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đức Hoàng

